

Số: 957 /TB-THADS

Hiệp Hòa, ngày 30 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014 và được sửa đổi, bổ sung năm 2022;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Quy định phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Văn bản ủy quyền số 297/TCKH ngày 30/12/2024 của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 của UBND huyện Hiệp Hòa về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 12/3/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 của UBND huyện Hiệp Hòa về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 16/5/2025 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 266/2025/576/CT-TPV ngày 12/6/2025 của Công ty Cổ phần thẩm định giá và Giám định Tiên Phong (TPV);

Căn cứ Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND huyện Hiệp Hòa về việc phê duyệt giá khởi điểm bán đấu giá tài sản là vật chứng vụ án, tài sản bị tịch thu sung công quỹ Nhà nước theo Bản án đã có hiệu lực pháp luật và đã có Quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự.

Để đảm bảo việc xử lý các tài sản trong các bản án hình sự bị tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, địa chỉ: Số 126, đường Văn Tiến Dũng, tổ dân phố số 1, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để ký hợp đồng dịch vụ đấu giá đối với các tài sản do các bản án tuyên tịch thu sung quỹ Nhà, theo bảng kê danh sách cụ thể sau:

(Kèm theo Bảng kê chi tiết các tài sản bị tịch thu, sung công quỹ Nhà nước).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa thông báo đề các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang biết, đăng ký theo quy định.

Giá khởi điểm của các tài sản để đưa ra bán đấu giá là: 172.620.000đ (Một trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thông báo đề các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản biết, đăng ký.

1) Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá;
- Phải có phương án đấu giá khả thi, hiệu quả;
- Phải có năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản;
- Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố;
- Các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

Chi tiết nội dung tiêu chí lựa chọn và bảng chấm điểm như sau:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0

1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0

1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: $Số\ điểm\ của\ B = (U \times 3) / Y$	

4.3	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y</i>	
5.	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	<i>Có thời gian hoạt động dưới 5 năm</i>	4,0
5.2	<i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	5,0
5.3	<i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>	6,0
5.4	<i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>	7,0
6.	<i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	<i>01 đấu giá viên</i>	2,0
6.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	3,0
6.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	4,0
7.	<i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	<i>Dưới 05 năm</i>	2,0
7.2	<i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	3,0
7.3	<i>Từ 10 năm trở lên</i>	4,0
8.	<i>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0

8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 1 đến 3 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0
1.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với chi cục THADS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0
2.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong tỉnh Bắc Giang	4,0
3.	Có 06 đấu giá viên làm việc tại tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia lựa chọn	1,0
Tổng số điểm		100

2) Hồ sơ đăng ký bao gồm:

- Văn bản đăng ký tham gia;
- Hồ sơ năng lực;
- Và các tài liệu khác có liên quan.

4) Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

- Thời gian nộp hồ sơ: Ngày 30/6/2025 đến hết ngày 04/7/2025.
- Hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, địa chỉ: Số 126, đường Văn Tiến Dũng, tổ dân phố số 1, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (trong giờ hành chính).

- Địa điểm nộp hồ sơ: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, địa chỉ: Số 126, đường Văn Tiến Dũng, tổ dân phố số 1, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa,

tỉnh Bắc Giang. Kể từ ngày 01/7/2025 là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 tỉnh Bắc Ninh./.

Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử Cục THADS;
- Cổng thông tin điện tử của Tổng cục THADS;
- Trang thông tin điện tử UBND huyện Hiệp Hòa;
- Chủ tịch UBND huyện Hiệp Hòa (để báo cáo);
- Phòng Tài chính-Kế hoạch Hiệp Hòa (để phối hợp);
- Chi cục trưởng (để báo cáo);
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Lưu: VT, HSTHA.



CHẤP HÀNH VIÊN

Nguyễn Văn Khởi





BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁC TÀI SẢN BỊ TỊCH THU SUNG CÔNG QUỸ NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Chứng thư thẩm định giá số 266/2025/576CT-TPV ngày 12/6/2025 và Quyết định phê duyệt giá giá số 2304 ngày 27/6/2025)

TT	Tên tài sản	Nhãn hiệu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá thẩm định (đồng/đvt)
1	01 điện thoại di động	Iphone 13 Promax màu đen	Chiếc	1	
2	01 điện thoại di động	Iphone 8 Plus màu hồng	Chiếc	1	800.000
3	01 điện thoại di động	Điện thoại Vsmart màu đen	Chiếc	1	50.000
4	01 chiếc cần điện tử	Cần điện tử	Chiếc	1	50.000
5	01 điện thoại di động	điện thoại Viettel màu đen	Chiếc	1	50.000
6	01 điện thoại di động	điện thoại Redmi màu đen	Chiếc	1	50.000
7	01 xe mô tô	Xe Honda Dream màu nâu	Chiếc	1	3.500.000
8	01 xe mô tô	Xe Honda Dream màu nâu	Chiếc	1	3.500.000
9	01 xe mô tô	Xe Honda Dream màu nâu	Chiếc	1	3.500.000
10	01 điện thoại di động	Iphone 14 Promax	Chiếc	1	4.500.000
11	01 điện thoại di động	Điện thoại Samsung	Chiếc	1	200.000
12	01 điện thoại di động	Điện thoại Redmi	Chiếc	1	50.000
13	01 điện thoại di động	Điện thoại Nokia màu đen	Chiếc	1	50.000
14	01 xe mô tô	Xe Honda Wase S màu đỏ đen bạc	Chiếc	1	2.500.000
15	01 xe mô tô	Xe Honda Dream màu nâu	Chiếc	1	3.000.000
16	01 điện thoại di động	Điện thoại OPPO Reno 7z màu đen	Chiếc	1	300.000
17	01 điện thoại di động	Samsung A02S màu đen	Chiếc	1	200.000
18	01 điện thoại di động	Iphone 6s	Chiếc	1	300.000
19	01 điện thoại di động	Điện thoại L102 màu đen	Chiếc	1	50.000
20	01 điện thoại di động	Điện thoại VIVO	Chiếc	1	200.000
21	01 xe mô tô	Xe máy Yamaha màu cam đen bạc	Chiếc	1	1.000.000
22	01 điện thoại di động	Iphone 12 Promax	Chiếc	1	2.800.000
23	01 điện thoại di động	Iphone 11 Pro màu xanh rêu	Chiếc	1	1.800.000
24	01 xe mô tô	Xe Honda	Chiếc	1	500.000
25	01 xe mô tô	Xe máy SYM New Angle màu tím	Chiếc	1	1.000.000
26	01 điện thoại di động	Điện thoại Nokia 110i	Chiếc	1	50.000
27	01 điện thoại di động	Điện thoại Vivo	Chiếc	1	100.000
28	01 xe mô tô	Xe máy Honda Way Anpha	Chiếc	1	2.500.000

TT	Tên tài sản	Nhãn hiệu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá thẩm định (đồng/đvt)
29	01 điện thoại di động	Điện thoại Iphone 8 Plus	Chiếc	1	800.000
30	01 xe mô tô	Xe máy Honda SH màu đen	Chiếc	1	40.000.000
31	01 điện thoại di động	Điện thoại Samsung	Chiếc	1	200.000
32	01 điện thoại di động	Iphone 11 Promax	Chiếc	1	2.000.000
33	01 điện thoại di động	Iphone 6 màu trắng	Chiếc	1	450.000
34	01 xe mô tô	Xe Honda Wave màu cam	Chiếc	1	2.500.000
35	01 điện thoại di động	Điện thoại OPPO Reno 7z màu đen	Chiếc	1	200.000
36	01 điện thoại di động	Iphone 11 Promax	Chiếc	1	2.000.000
37	01 điện thoại di động	Iphone 12 Promax	Chiếc	1	2.800.000
38	01 xe mô tô	Xe Honda Dream màu nâu	Chiếc	1	3.500.000
39	01 xe mô tô	Xe mô tô	Chiếc	1	600.000
40	01 xe mô tô	Xe mô tô	Chiếc	1	600.000
41	01 xe mô tô	Xe Honda Dream màu nâu	Chiếc	1	3.500.000
42	01 điện thoại di động	Điện thoại Samsung A34	Chiếc	1	200.000
43	04 bình ga	Bình ga 12kg An Dương Petrol	Chiếc	4	520.000
44	01 điện thoại di động	Iphone X	Chiếc	1	1.000.000
45	01 điện thoại di động	Iphone 6s	Chiếc	1	300.000
46	01 điện thoại di động	Điện thoại OPPO	Chiếc	1	200.000
47	01 điện thoại di động	Điện thoại Redmi	Chiếc	1	200.000
48	01 điện thoại di động	Điện thoại Nokia 105 màu đen	Chiếc	1	50.000
49	01 điện thoại di động	Iphone màu xám	Chiếc	1	200.000
50	01 xe mô tô	Xe máy Suzuki-Viva màu xanh trắng	Chiếc	1	1.000.000
51	01 điện thoại di động	Iphone màu đen	Chiếc	1	200.000
52	01 điện thoại di động	Điện thoại Vivo	Chiếc	1	100.000
53	01 điện thoại di động	Iphone	Chiếc	1	200.000
54	01 điện thoại di động	Iphone	Chiếc	1	200.000
55	01 điện thoại di động	Iphone	Chiếc	1	200.000
56	01 xe mô tô	Xe Yamaha Exciter màu trắng	Chiếc	1	7.500.000
57	01 điện thoại di động	Iphone 14 Promax	Chiếc	1	4.500.000
58	01 điện thoại di động	Iphone 12 Pro	Chiếc	1	2.800.000
59	01 điện thoại di động	Iphone 6 màu vàng	Chiếc	1	300.000

TT	Tên tài sản	Nhãn hiệu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá thẩm định (đồng/đvt)
60	01 điện thoại di động	Iphone XS max màu vàng	Chiếc	1	1.200.000
61	01 điện thoại di động	Điện thoại OPPO A17K	Chiếc	1	200.000
62	01 điện thoại di động	Điện thoại Samsung	Chiếc	1	200.000
63	01 điện thoại di động	Điện thoại Samsung Galaxy J4	Chiếc	1	400.000
64	01 xe mô tô	Xe Honda Wave màu đen	Chiếc	1	2.500.000
65	01 điện thoại di động	Iphone	Chiếc	1	200.000
66	01 máy bắn vít	Máy bắn vít màu xanh đen	Chiếc	1	50.000
67	01 điện thoại di động	Điện thoại Samsung A5	Chiếc	1	400.000
68	01 điện thoại di động	Iphone 7Plus	Chiếc	1	800.000
69	01 điện thoại di động	Ipad Samsung màu đen	Chiếc	1	500.000
70	01 điện thoại di động	Iphone	Chiếc	1	200.000
71	01 điện thoại di động	Iphone 6Plus màu trắng	Chiếc	1	350.000
72	01 điện thoại di động	Iphone XS max	Chiếc	1	1.400.000
73	01 xe mô tô	Xe Honda Vision màu xám đen	Chiếc	1	10.000.000
74	01 xe mô tô	Xe Honda Wave màu trắng đen	Chiếc	1	2.500.000
75	01 điện thoại di động	Iphone X	Chiếc	1	1.100.000
76	01 điện thoại di động	Iphone	Chiếc	1	200.000
77	01 điện thoại di động	Iphone	Chiếc	1	200.000
78	01 điện thoại di động	Iphone XS màu vàng	Chiếc	1	1.000.000
79	01 xe mô tô	Xe Honda màu đỏ	Chiếc	1	600.000
80	01 điện thoại di động	Iphone	Chiếc	1	200.000
81	01 điện thoại di động	Iphone 4 màu đen	Chiếc	1	100.000
82	01 điện thoại di động	Điện thoại MOBISTAR	Chiếc	1	100.000
83	01 điện thoại di động	Iphone 12 Promax màu xanh	Chiếc	1	2.800.000
84	01 xe ô tô tải	Xe ô tô Vinasuki màu xanh 2 chỗ, sx 2014	Chiếc	1	30.000.000
Tổng cộng					172,620,000



